

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KẾ SÁCH
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **01/2025/DS-ST**

Ngày: 08 - 01 - 2025

V/v tranh chấp hợp đồng sử dụng
thẻ tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Việt.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Tăng Thị Bạch Vân.

Ông Nguyễn Văn Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Trung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 08 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 421/2024/TLST-DS ngày 15 tháng 10 năm 2024 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 516/2024/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 11 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa dân sự sơ thẩm số: 414/2024/QĐST-DS ngày 20 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng S. Địa chỉ: thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng S: Ông S, Chức vụ: Nhân viên. Địa chỉ: thành phố Hồ Chí Minh. (Là người đại diện theo ủy quyền theo Giấy ủy quyền số 814/2024/UQ-TGD ngày 16/01/2024 của Ngân hàng S) (vắng mặt, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông N. Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/3/2024 cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng S (do ông S là người đại diện hợp pháp) trình bày:* Ngày 18/8/2017, ông N có ký với Ngân hàng S Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông N, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông N đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 609.732.950 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông N đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 590.876.120 đồng (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng). Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông N vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông N vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng), ngày 01/8/2022 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng).

Tính đến ngày 15/01/2024, ông N còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 57.795.673 đồng, gồm dư nợ gốc là 33.970.534 đồng và lãi quá hạn là 23.825.139 đồng. Mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu ông N có trách nhiệm thanh toán, tuy nhiên ông N vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký.

Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/3/2024, Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông N thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 15/01/2024 là 57.795.673 đồng, gồm nợ gốc là 33.970.534 đồng, nợ lãi là 23.825.139 đồng. Đồng thời, ông N phải thanh toán cho Ngân hàng khoản lãi phát sinh từ ngày 16/01/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Theo văn bản đề nghị xét xử vắng mặt và tóm tắt sao kê gửi cho Tòa án, ông S là người đại diện hợp pháp của Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông N thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 08/01/2025 là 73.649.831 đồng, gồm nợ gốc là 33.970.534 đồng, nợ lãi là 39.679.297 đồng. Đồng thời, ông N phải thanh toán cho Ngân hàng khoản lãi phát sinh từ ngày 09/01/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

* *Bị đơn ông N:* Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã cấp, tổng đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông N nhưng ông N không có mặt tham gia tố tụng theo các giấy triệu tập của Tòa án và cũng không có ý kiến trình bày hay yêu cầu gì trong vụ án này.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông S là người đại diện hợp pháp của Ngân hàng vắng mặt nhưng trong văn bản đề nghị xét xử vắng mặt thì ông S vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Theo nội dung yêu cầu khởi kiện, Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông N thanh toán số tiền còn nợ theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng mà hai bên đã ký kết; Tòa án nhân dân huyện Kế Sách thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng tín dụng là chưa chính xác; Hội đồng xét xử xác định lại

quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng theo đúng quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Kế Sách không có tiến hành thu thập chứng cứ và vụ án không thuộc các trường hợp khác theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách không tham gia phiên tòa sơ thẩm.

[3] Ông N là bị đơn, có địa chỉ cư trú tại ấp A, xã B, huyện C; Tòa án nhân dân huyện Kế Sách thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của Ngân hàng là ông S vắng mặt nhưng có đề nghị xét xử vắng mặt, ông N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do và không thuộc trường hợp sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, việc vắng mặt cũng không ảnh hưởng đến việc xét xử; Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[5] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã cấp, tổng đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông N nhưng ông N không có mặt tham gia tố tụng theo các giấy triệu tập của Tòa án và cũng không có ý kiến trình bày hay yêu cầu gì được xem là đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng của mình; các tài liệu, chứng cứ Ngân hàng xuất trình về hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng là các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[6] Về nội dung vụ án: Tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng (áp dụng cho Khách hàng Cá nhân) ngày 18/8/2017, ông N đã đăng ký mở thẻ tín dụng tại Ngân hàng với hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân; hợp đồng được các bên ký kết theo đúng quy định; tính đến ngày xét xử sơ thẩm 08/01/2025 thì ông N còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 73.649.831 đồng, gồm nợ gốc là 33.970.534 đồng, nợ lãi là 39.679.297 đồng. Hợp đồng nêu trên được xác lập trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, bình đẳng, không trái với quy định của pháp luật và đạo đức xã hội, nhằm xác lập quyền và nghĩa vụ của các bên trong giao dịch dân sự là hợp đồng, phù hợp với quy định tại các Điều 116, 117, 118 Bộ luật Dân sự năm 2015, hình thức và nội dung của hợp đồng phù hợp với quy định tại các Điều 119, 398, 463 Bộ luật Dân sự năm 2015; hợp đồng đã có hiệu lực theo quy định tại Điều 401 Bộ luật Dân sự năm 2015; thời hiệu khởi kiện về hợp đồng vẫn còn theo quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự năm 2015. Do ông N vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc theo thỏa thuận trong hợp đồng nêu trên nên Ngân hàng yêu cầu ông N thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc còn nợ và số tiền lãi phát sinh là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 95 Luật Các Tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Do đó, việc Ngân hàng yêu cầu ông N phải có nghĩa vụ cho Ngân hàng tổng số tiền 73.649.831 đồng, là có căn cứ để chấp nhận.

[7] Kể từ ngày 09/01/2025 (ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm) cho đến khi thi hành án xong, ông N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thanh toán theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng nêu trên. Trường hợp

trong hợp đồng nêu trên, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thì lãi suất mà ông N phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng (theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019).

[8] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, giải quyết buộc ông N thanh toán cho Ngân hàng số tiền còn nợ là 73.649.831 đồng.

[9] Về án phí sơ thẩm: Ngân hàng không phải chịu án phí sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp; ông N phải chịu án phí sơ thẩm là $73.649.831 \text{ đồng} \times 5\% = 3.682.492 \text{ đồng}$ tương ứng trên số tiền còn nợ bị Tòa án buộc thanh toán theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 116, 117, 118, 119, 280, 357, 398, 401, 429, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 95 Luật Các Tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S về hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng.

Buộc ông N phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng S số tiền còn nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm 08/01/2025 là 73.649.831 đồng (*Bảy mươi ba triệu sáu trăm bốn mươi chín nghìn tám trăm ba mươi một đồng*), gồm nợ gốc là 33.970.534 đồng, nợ lãi là 39.679.297 đồng.

Kể từ ngày 09/01/2025 cho đến khi thi hành án xong, ông N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thanh toán theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng. Trường hợp trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân

hàng S thì lãi suất mà ông N phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng S cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng S.

2. Về án phí sơ thẩm:

- Ngân hàng S không phải chịu án phí sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà Ngân hàng S đã nộp (do ông S là người nộp thay) là 1.445.000 đồng (*Một triệu bốn trăm bốn mươi lăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 00029573, ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông N phải chịu án phí sơ thẩm với số tiền là 3.682.492 đồng (*Ba triệu sáu trăm tám mươi hai nghìn bốn trăm chín mươi hai đồng*).

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự (02);
- VKSND huyện Kế Sách (01);
- Chi cục THADS huyện Kế Sách (01);
- TAND tỉnh Sóc Trăng (01);
- Lưu HSVA, Văn phòng (02).

Nguyễn Quốc Việt